

Số: 15/QĐ-THPTTĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Trường THPT Thủ Đức

Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022;

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán Trường THPT Thủ Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Thủ Đức (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị, Phụ trách kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Ngọc Khái

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT THỦ ĐỨC

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-THPTTĐ ngày 17/02/2023 của Hiệu Trường Trường THPT Thủ Đức)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	19.288.275	19.288.275			
1	Số thu phí, lệ phí	-		-	-	-
1,1	Lệ phí			-	-	-
1	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
1,2	Phí					
	Phí A (HPCL)					
	Phí B					
						
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	19.200.931	19.200.931			
3	Thu sự nghiệp khác	87.344	87.344			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	19.288.275	0	2.764.377	0	333.122
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1,1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1,2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	19.200.931		2.764.377		284.990
3	Hoạt động sự nghiệp khác	87.344				48.132
C	Số thu nộp NSNN	334.244	334.244	0	0	0
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1,1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
						
1,2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	334.244	334.244			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	27.354.864	27.354.864	23.479.900	490.739	887.391
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.040.690	15.040.690	12.505.286		887.391
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.314.174	12.314.174	10.974.614	490.739	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

Người lập biểu



Bùi Thị Hằng

Ngày 17 tháng 02 năm 2023

Trưởng đơn vị



Lê Ngọc Khái